ĐẠI THẮNG MÙA XUÂN NĂM 1975 LÀ KẾT QUẢ TỪ SỨC MẠNH TỔNG HỢP CỦA DÂN TỘC(*)

LTS: *Nhân dịp kỷ niệm 30 năm ngày Giải phóng miền Nam thống nhất đất nước (30/4/1975 - 30/4/2005), Ban Biên tập Tập san Khoa học xin gửi đến quý bạn đọc bài phỏng vấn sau đây của Bà mẹ Việt Nam anh hùng Bùi Thị Mè, Luật gia Nguyễn Minh Trí, Giáo Sư Lý Chánh Trung và Tiến Sĩ Huỳnh Văn Tòng.*

Bà mẹ Việt Nam anh hùng Bùi Thị Mè, nguyên Thứ trưởng Bộ Y tế-Xã hội-Thương binh của Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam.

Bà Bùi Thị Mè tại ĐH quốc dân bầu Chính phủ CMLTCHMNVN năm 1969

Phóng viên: Bà đánh giá thế nào về chiến thắng lịch sử 30/4/1975?

Bùi Thị Mè: Đó là kết quả của lòng yêu nước nồng nàn, chí căm thù giặc sâu sắc của toàn dân, và sự đoàn kết keo sơn Nam Bắc một nhà, cộng với chúng ta có chính nghĩa, có sự lãnh đạo tài tình của Đảng, Bác Hồ, đội ngũ cán bộ, học trò của Bác đã đào tạo. Chúng ta có đường lối đúng đắn của Đảng. Lời kêu gọi của Bác là mệnh lệnh của Tổ quốc, "thà hy sinh tất cả chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ". ***Cuộc kháng chiến cứu nước của dân tộc ta là một cuộc chiến đấu giải phóng dân tộc***, chúng ta có chính nghĩa, chúng ta được sự đồng tình của toàn dân, của bạn bè trên thế giới. Do đó, ta cô lập được quân thù. Ta đấu tranh trên nhiều mặt trận với địch, đấu tranh chính trị, đấu tranh quân sự, đấu tranh binh vận, đấu tranh ngoại giao... Chúng ta chiến thắng một kẻ thù hơn ta gấp bội về mặt quân sự, và là một tên đế quốc đầu xỏ, chính sự kiện này đã góp phần đập tan chế độ thực dân cũ, thực dân mới trên phạm vi toàn thế giới, một điển hình đấu tranh giải phóng dân tộc đối với các nước còn đang bị ách thống trị của thực dân, đế quốc. Kẻ thù mạnh hơn ta gấp bội, rất tàn ác, ta yếu nhưng mà ta có sức mạnh của toàn dân, biết phân hóa, cô lập kẻ thù. Thắng lợi 30/4/75 chứng minh triết lý của Bác Hồ "Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết. Thành công, thành công, đại thành công". Trong lịch sử nước ta qua bao cuộc đấu tranh chống xâm lược giữ nước, khi ta biết đoàn kết một lòng chống giặc ngoại xâm, là chúng ta chiến thắng kẻ thù, giữ được nước, trái lại, lúc nào mà dân ta không đoàn kết thì bị nước ngoài xâm lấn.

Phóng viên: Xin Bà cho biết vai trò của Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam (MTDTGPMNVN) trong cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc?

(*) Tựa đề do Tòa sạn đặt.

Bà Bùi Thị Mè trong chiến khu (hàng trên thứ hai từ phải sang)

Bùi Thị Mè: Nói đến MTDTGPMNVN, phải nhắc qua một quá trình lịch sử. Sau Hiệp định Genève, nước Việt Nam tạm chia làm 2 miền với 2 chính thể khác nhau. Ở Nam vĩ tuyến 17 thì Mỹ thay chân người Pháp, chế độ thực dân cũ biến thành chế độ thực dân mới, triển vọng thống nhất đất nước mù mịt, như là chiến tranh không thể chấm dứt ở miền Nam mà còn có khả năng lan ra cả nước với sự Bắc tiến của Ngô Đình Diệm. Những năm từ cuối 1954 đến cuối 1958, cả miền Nam từ sông Bến Hải cho đến mũi Cà Mau, nhân dân sống trong cảnh hãi hùng. Diệm đã thiết lập một bộ máy kềm kẹp khổng lồ và nhất là từ khi chúng cho ra đời luật 10/59 đưa máy chém đi khắp miền Nam, giết hại cán bộ, đàn áp cách mạng. Trong tình hình đó, nhiều địa phương đã sử dụng một số hình thức vũ trang, bạo lực để chống lại kẻ thù, chống lại các cuộc cướp giật, bắt bớ của tề lính, của bọn thám báo. Đầu năm 1959, hình thái bạo động từng phần đã tương đối phổ biến ở các tỉnh Nam bộ. Cuộc Đồng khởi đồng loạt ở nông thôn giành chính quyền cơ sở nổ ra từ giữa năm 1959, đến cuối năm 1960, nông thôn Nam bộ, vùng rừng núi Trung bộ đã thành vùng tự do, do dân tự quản. Vùng tự do Nam bộ đã tạo thế liên hoàn bao gồm nhiều xã, nhiều huyện từ Đông Nam bộ cho đến đồng bằng sông Cửu Long, áp sát Sài Gòn và các trục giao thông chiến lược, các thị xã, thị trấn. Chính quyền Sài Gòn khủng hoảng liên tục. Tình hình mới đòi hỏi cách mạng miền Nam phải cấp bách có một tư cách hợp pháp để xử lý cả đối nội lẫn đối ngoại. Do đó, ngày 20/12/1960, MTDTGPMNVN thành lập, phản ánh thắng lợi của phong trào Đồng khởi, đồng thời đảm đương sứ mệnh thúc đẩy cách mạng miền Nam tiến lên giành thắng lợi hoàn toàn. Như tên gọi, MTGPDTMNVN lấy tinh thần dân tộc làm cơ sở, đoàn kết mọi người miền Nam yêu nước không phân biệt giai cấp, địa vị xã hội, không phân biệt quá khứ, sắc tộc, tín ngưỡng, tư tưởng. Mặt trận kế thừa các mặt trận trước kia (Mặt trận Việt Minh, Mặt trận Liên Việt v.v...). Mỗi một giai đoạn, chúng ta có một hình thức mặt trận để đoàn kết toàn dân. Bối cảnh miền Nam thuận lợi cho Mặt trận ra đời, vì có một vùng giải phóng đang hình thành. Trong đó, có những căn cứ vững chắc, có lực lượng vũ trang, quân giải phóng, các tổ chức chính quyền tự quản, các đoàn thể của quần chúng. Đó là thực lực hàng đầu của Mặt trận. Mặt trận tổ chức, tập hợp mọi lực lượng, dựa vào hậu phương lớn ở miền Bắc, đồng thời được hầu hết các nước XHCN tán thành, kể cả Campuchia cũng ủng hộ. Một số nhà văn hóa, nhà báo cộng sản và tiến bộ, trí thức ở nhiều nước, kể cả ở Mỹ đã bày tỏ thái độ đứng về phía Mặt trận. Với sự xuất hiện của Mặt trận, của Ủy ban Trung ương gồm các nhân vật tiêu biểu khiến cho chính quyền Ngô Đình Diệm càng bị cô lập thêm. Mỹ bắt buộc phải tính đến thay đổi tay sai với hy vọng là hạn chế và đánh bại cách mạng miền Nam. Ở các thành thị, phong trào Phật giáo phát khởi đòi quyền bình đẳng tôn giáo, đồng thời, với khẩu hiệu "Đạo pháp của dân tộc" tấn công mạnh mẽ chế độ Diệm, thời kỳ Phật giáo đấu tranh là thời kỳ Diệm bị động nhất. Càng bị khủng bố, phong trào càng mở rộng về quy mô, quyết cả tính chất, phong phú về hình thức. Thực tế phong trào Phật giáo vào lúc đó là phong trào của các giới đồng bào để thực hiện, để thừa hưởng khí thế thắng lợi chung của cách mạng, đấu tranh cho lợi ích chung của các tầng lớp nhân dân, nhất là chống chính sách khủng bố của chính quyền Diệm. Mỹ phải thay ngựa giữa dòng, giết chết anh em Diệm Nhu. Tuy nhiên, một số người kế tiếp không cố tỏ ra sẵn sàng thực hiện mọi ý đồ của Mỹ, Mỹ lại phải liên tiếp thay người. Mỗi lần Mỹ thay người là cách mạng miền Nam, cả nông thôn lẫn thành thị, cả quân sự lẫn chính trị phát triển thêm một bước, MTDTGPMNVN mở rộng lực lượng thêm một mức. Đến cuối năm 1964, MTDTGPMNVN kiểm soát 1/3 dân số miền Nam. Trước tình hình đó, Mỹ quyết dốc túi vào canh bạc phiêu lưu, đổ thực binh vào miền Nam Việt Nam, sử dụng những phương tiện chiến tranh tàn khốc nhất (trừ bom nguyên tử). Đồng thời, Mỹ tiến hành chiến tranh phá hoại miền Bắc bằng không quân và hải quân. Điều mà Mỹ không thể ngờ đó là cuộc chiến tranh xâm lược cả nước Việt Nam đã gây phẫn nộ mãnh liệt ở khắp Việt Nam, kể cả những người trong hàng ngũ chính quyền và quân đội Sài Gòn còn nghĩ đến đất nước. Bộ máy Thiệu - Kỳ chẳng những bị nhân dân chống đối mà ngay cả một bộ phận những người di cư trước là chỗ dựa

cho Diệm giờ cũng lên án. Cuộc chiến tranh của Mỹ tiến hành trực tiếp ở miền Nam Việt Nam là cuộc chiến tranh cục bộ lớn nhất thế giới từ trước đến nay. Không thể lợi dụng LHQ được như trong chiến tranh Triều Tiên vì các đồng minh quan trọng của Mỹ như Pháp, Anh thì cho rằng: Phong trào cách mạng miền Nam là phong trào nhân dân tại chỗ, dù có được miền Bắc hỗ trợ thì vẫn là phong trào tại chỗ, đại diện duy nhất của nhân dân là MTDTGPMNVN. Bên cạnh đó, rất nhiều phong trào, nhiều thành phần xã hội khác nhau ở các nước cũng lên tiếng biểu tình, thiết lập tòa án kết tội Mỹ, và đề cao lương tri Việt Nam. Tại Mỹ, sức chống đối của sinh viên, trí thức, các nhà tu hành dẫn đến cả tự thiêu và vô số cuộc xuống đường làm đảo lộn đời sống của nhân dân Mỹ. Một số nhân vật Mỹ có tiếng tăm khai thác cơ hội này để mà chiếm vị trí tổng thống Mỹ, giành ảnh hưởng chính trị. Binh sĩ Mỹ càng ngày càng tỏ thái độ phản chiến, nước Mỹ bị chia rẽ thêm trong cuộc chiến tranh ở Việt Nam. Vị trí quốc tế của Mỹ bị cô lập nặng nề. Trong khi đó, cuộc phiêu lưu của Mỹ tại Việt Nam vấp hết thất bại này đến thất bại khác. Dù đã thay đổi liên tục chiến lược chiến tranh, cuộc tập kích Tết Mậu Thân của quân dân miền Nam đẩy Mỹ lún sâu vào con đường hầm không lối thoát. Mậu Thân là một biến cố lớn với đặc điểm là hình thái chiến tranh nhân dân, triển khai tận các thành phố, thành thị, nhất là Sài Gòn. Thắng lợi quan trọng chủ yếu của MTDTGPMNVN qua Mậu Thân là thắng lợi về chính trị: Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hoà miền Nam Việt Nam ra đời ngày 6 tháng 6 năm 1969. Đây là một quả bom làm vỡ tung các yếu tố chính trị trong chiến tranh Việt Nam mà tiếng vang rung chuyển tận Nhà Trắng. Chúng ta có một tổ chức hợp pháp để đối phó với Mỹ. Ý chí xâm lược của Mỹ đã bị nhục một phần và sự tìm kiếm chiến thắng bằng quân sự ngày một vô vọng, Mỹ bị bắt buộc phải chấp nhận cuộc hòa đàm Paris. Cách mạng miền Nam đã phát triển lên một trình độ mới.

Phóng viên: Thưa bà, trong quá trình tham gia cách mạng, bà đã từng giữ nhiều cương vị trong MTDTGPMNVN và trong Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam, nhưng liền một lúc, bà hay tin 3 anh hy sinh, người con út lại bị thương nặng. Động cơ, lý do gì giúp bà vẫn đứng vững, vẫn tiếp tục công tác cho đến ngày thắng lợi cuối cùng?

Bà Bùi Thị Mè bên di ảnh của các con

Bùi Thị Mè: Từ năm 1945 đến năm 1960, tôi hoạt động hợp pháp trong lòng địch, từ 60 - 64, tôi tham gia MTDTGPMNVN miền Tây Nam bộ. Năm 1964, Trung ương Cục điều tôi về miền Đông làm công tác tuyên huấn, công tác tuyên truyền đối ngoại.

Năm 1965 là ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ giải phóng miền Nam Việt Nam, Phó Chủ tịch Hội nhà giáo yêu nước.

Năm 1969, khi bầu Chính phủ Cách mạng lâm thời, tôi là Thứ trưởng Bộ Y tế - Xã hội - Thương binh.

Mấy con trai tôi hồi trước ở miền Tây, khi tôi lên trên R thì có người con thứ 2 lên theo, còn 3 đứa ở lại miền Tây. Lúc đầu, làm công tác giáo dục, sau năm 1967 bổ sung quân, nó tham gia bộ đội, viết thư về "Xin lỗi ba má là con đăng ký rồi mới báo tin cho ba má bởi vì bây giờ con nghĩ rằng, sức trẻ của tụi con là phải cống hiến tất cả tuổi trẻ của mình để bảo vệ Tổ quốc. Sau này, khi giải phóng đất nước rồi, tụi con dùng toàn sức của tụi con cùng toàn dân xây dựng đất nước. Nhưng mà nếu có rủi ro, chúng con có hy sinh thì chúng con chấp nhận, thà chúng con hy sinh để cho ba má có vinh dự là có những đứa con không khiếp nhược, dám đấu tranh để bảo vệ Tổ quốc, chứ con không thể để cho ba má có những thằng con hèn yếu mà không dám đấu tranh".

Năm 1968 - Tết Mậu Thân, tôi được tin một lần 2 đứa,người con thứ 2 hy sinh ở Sài Gòn, người thứ 3 hy sinh ở Rạch Giá, tin báo tử thì chậm, mà do Trung đoàn ở dưới lên hỗ trợ

cho T4, báo một lần 2 đứa. Lúc đó như 2 mũi tên bắn vào trái tim người mẹ, tôi được tin sao thấy người mình bủn rủn, trống rỗng, không có cảm giác gì hết. Cho nên tôi không biết mình ở đâu, như là người mất hồn, như đang lơ lửng giữa không trung, không có trọng lượng. Tôi không khóc nhưng khi đi về lán của mình thì nước mắt tuôn ra như suối. Trời ơi, 2 đứa con hy sinh, đứa ở chiến trường đô thị Sài Gòn, đứa ở Rạch Giá, mà mình không biết làm gì, không biết ra sao đây? Tôi lúc đó như một cái xác không hồn. Những đứa con khôn ngoan, có trách nhiệm không còn được gặp nữa, thi thể ra sao, chôn cất ở nơi nào? Rồi thì sốt rét lại tấn công, tôi đi bệnh viện, đi bệnh viện về, tôi thấy các đồng chí nhìn tôi ái ngại mà không ai nói một lời nào. Bặt tin con mà tôi thấy thái độ của các đồng chí, tôi lo, tôi nghi. Cho nên tôi mới nói với anh em: "Thôi, bây giờ các anh em có gì, anh em cứ báo tin cho tôi, tôi cũng đã chuẩn bị sức chịu đựng", thì cơ quan báo cho tôi 2 đứa, đứa thứ 3 hy sinh, đứa thứ 4 bị thương đang nằm ở Quân y. Trời ơi, 2 mũi tên bắn vào tim người mẹ chưa rút ra, thì bây giờ 2 mũi tên khác lại bắn vào. Tôi lúc đó dù có nghị lực gì cũng không đứng vững. Tôi không biết bây giờ mình ra sao đây! Từ trước đến nay, tôi chưa có bao giờ như thế này cả. Mắt mở mà nước mắt tuôn dầm, trong đầu không có một ý nghĩ gì cả. Đến khi kẻng báo hiệu cơm chiều, tôi xách chén xuống nhà ăn, đi như một cái máy, anh chị em nhìn tôi không nói một lời, không ai dám an ủi, tôi nuốt cơm như là nuốt sạn, xong rồi tôi trở về lán mình tiếp tục theo dõi tin tức, làm việc đến khuya. Tôi nằm ngủ mà không sao nhắm mắt được, mí mắt hình như là có cây gì đó chống lên không sao nhắm lại. Đêm ở trong rừng, đâu đó có một con chim gì đó nó kêu tiếng vọng lại nghe như "Mẹ ơi, mẹ ơi" mà đau đứt ruột. Đêm mất ngủ, lại nhớ con, nhớ từng đứa một. Nhưng rồi tin tức hàng ngày giật tôi dậy, kẻ thù còn kia, đồng bào còn bị kẻ thù giết hại, đồng đội của con còn phải đổ máu ở chiến trường, nhiệm vụ chưa hoàn thành, nhiệm vụ còn bỏ dở... Không, tôi không thể nào mà chùn bước được, phải đi đến thắng lợi cuối cùng là giải phóng miền Nam thống nhất đất nước. Đó là nguyện vọng của toàn Đảng, toàn dân mà trong đó cũng là nguyện vọng của các con tôi. Tôi đứng lên kêu gọi hồn con tiếp sức, nghiến chặt răng, lùa nước mắt vào tim, tiếp tục nhiệm vụ của mình. Tôi làm việc, ngày làm việc, đêm làm việc đến khuya, làm để quên đau nhưng mà khi đêm về, hết việc, lại mở mắt trao tráo không sao mà nhắm được. Hình ảnh của các con lại về với tôi, hình ảnh của con tôi từ oa oa ba tiếng khóc chào đời cho đến lớn khôn cắp sách đến trường, học ở trường, học ở nhà với cha mẹ, ngoan ngoãn, không đua đòi, không ham chơi mà thương cha, mẹ, lo giúp đỡ cha mẹ, để cha mẹ làm việc được tốt. Các con tôi không bao giờ đòi hỏi gì cho mình, rồi tôi tự nhủ lấy mình: "Các con nó có muốn mình buồn, mình khổ đâu, nó đã vững vàng chấp nhận hy sinh vì sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc. Lý tưởng còn chưa đạt được, cuộc đấu tranh chưa hoàn thành, chưa kết thúc, thương các con, má sẽ thay các con phấn đấu làm việc, các con có linh thiêng phù hộ, giúp má đứng vững trên vị trí chiến đấu của má để cùng toàn Đảng, toàn dân, toàn quân hoàn thành nhiệm vụ, để mà thực hiện ước mơ của Bác Hồ, ước mơ của cả dân tộc". Tôi kêu gọi linh hồn con tiếp sức, tôi nhớ lại lịch sử 4 ngàn năm, biết bao bà mẹ Việt Nam đã cắt ruột mình để đấu tranh dựng nước và giữ nước, giao lại cho chúng ta, đến lượt chúng ta, chúng ta mang dòng máu Việt Nam trong huyết quản, chúng ta phải lãnh trách nhiệm lịch sử mà đời trước giao lại, phải tiến lên, lùa nước mắt vào tim, nghiến chặt răng, tiếp tục nhiệm vụ của mình. Hình như các con tôi đỡ tôi lên, tôi cảm thấy như vứt được tảng đá trên lưng, vững bước tiến lên trên con đường nhiệm vụ. Nhưng mà, lý trí là đây, thực tế còn đây, đan xen nhau, trái tim người mẹ đâu dễ xóa nhòa hình ảnh của các con. Sự giúp đỡ của các cháu gái trong cơ quan cũng an ủi tôi phần nào. Cám ơn các cháu đã thông cảm cho một đồng chí già, tôi không bao giờ quên được tình cảm của các cháu ở cơ quan đã an ủi tôi. Cho nên, tự mình an ủi mình, tự mình phấn đấu, nhưng mà trong cái phấn đấu cũng kêu gọi con tiếp sức. Đến bây giờ tôi nghĩ rằng, hồi đó các con tôi làm nhiệm vụ chiến đấu bảo vệ quê hương thôi, xây dựng thì nó chưa làm được, bây giờ còn phân nửa thì tôi năm nay đã 85 tuổi rồi, còn làm được bao nhiêu thì hay bao nhiêu, công tác xã hội, tuy rằng mình về hưu nhưng mà cũng còn sức, còn trí tuệ, thì cứ làm việc để mà thay cho con xây dựng quê hương. Thế thôi.

Phóng viên: Bà có lời khuyên gì cho thế hệ trẻ hôm nay để tiếp bước truyền thống anh hùng của những người đi trước?

Bùi Thị Mè: Trong cuộc chiến tranh 30 năm, thanh niên là cánh tay đắc lực của cách mạng, đâu cần thanh niên có, đâu khó có

thanh niên. Thanh niên là rường cột của nước nhà, là tương lai của Tổ quốc. Từ khi giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc, thanh niên cũng đã góp phần đắc lực vào công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc: về kinh tế, văn hoá, xã hội, quốc phòng.

Tôi rất tin tưởng vào thế hệ trẻ.

Nếu phải khuyên thanh niên, tôi tha thiết khuyên thanh niên tích cực rèn đức luyện tài. Đức đi đầu. Tài miệt mài rèn luyện song song với tinh thần trách nhiệm đối với bản thân (thân thể tráng kiện, tâm hồn lành mạnh trong sáng, sống có điều độ, không rượu, không thuốc lá, sống có kỷ luật bản thân).

Thanh niên phải cầu tiến, rèn luyện đạo đức song song với học tập, học mãi. Cuộc đời là một trường học. Học ở gia đình, học ở trường, học ở xã hội. Biết thương người như thể thương thân thì tinh thần phục vụ được tốt. Phải có nghị lực: đường đời không ai trải nhung gấm cho mình đi. Gặp gai góc phải nhổ gai mà tiến bước. Thất bại không nản chí, "có chí thì nên". Phải giữ vững truyền thống dân tộc. Thời kỳ mở cửa, tiếp xúc với các nền văn hoá nước ngoài phải biết chọn lọc tiếp thu những gì có lợi cho truyền thống dân tộc.

Tôi bây giờ già rồi, 85 tuổi rồi, xuống gần tận chân núi cuộc đời, nhìn lớp trẻ đi lên, xin gởi theo tất cả tâm tình, niềm tin và hy vọng.

Luật gia Nguyễn Minh Trí, nguyên Cụm trưởng cụm điệp báo A10 An ninh T4

Phóng viên: Được biết đồng chí cùng các cán bộ điệp báo của An ninh T4 đã góp phần giữ cho Sài Gòn còn nguyên vẹn và không đổ máu trong những ngày cuối tháng 4 năm 1975. Xin đồng chí cho biết nhiệm vụ của Cụm điệp báo A10 mà đồng chí lãnh đạo?

Cuộc tháo chạy của những tên xâm lược Mỹ

Nguyễn Minh Trí: Tháng 8 năm 1972, cuộc tiến công và nổi dậy trên cả nước giành được thắng lợi quan trọng buộc Mỹ phải đi vào chuẩn bị ký Hiệp định Paris. Tuy nhiên Mỹ rất ngoan cố tăng cường chiến tranh ác liệt hòng làm suy yếu lực lượng Cách mạng của nước ta để khi rút hết quân, Mỹ vẫn duy trì được chính quyền tay sai. Sau hội nghị Bình Giả của Thành uỷ T4 (Sài Gòn - Gia Định), tháng 9 năm 1972, tại căn cứ Cây Dầu ở Campuchia, đồng chí Lê Thanh Vân (Sáu Ngọc), Phó ban An ninh T4 phụ trách điệp báo phổ biến quyết định thành lập 1 cụm điệp báo mới với bí số là A10 và phân công tôi phụ trách làm Cụm trưởng. Đến trước ngày 30/04/1975 lực lượng của Cụm vừa cán bộ, cơ sở, quần chúng cách mạng ở nội đô lên đến 100 người.

Nhiệm vụ cụ thể của Cụm A10 bao gồm 2 nội dung chính sau đây:

- Thu thập chính xác kịp thời các tin tức tình hình, âm mưu ý đồ, tổ chức của địch và đặc biệt là nhóm Dương Văn Minh, góp phần làm tham mưu cho cấp ủy chỉ đạo phong trào ở đô thị.

- Thực hiện nhiệm vụ tấn công chính trị Dương Văn Minh và các nhân vật chính trị trung gian nhắm theo hướng có lợi cho cuộc tổng tấn công và nổi dậy.

Phóng viên: Xin đồng chí cho biết nhiệm vụ tấn công chính trị của Cụm A10 là gì?

Nguyễn Minh Trí: Cuối tháng 1 năm 1974, Thành uỷ chủ trương, dưới khẩu hiệu trung tâm là hoà bình, độc lập, dân chủ, cải thiện dân sinh, ở nội thành đẩy mạnh phong trào đấu tranh đòi thi hành Hiệp định Paris tiến lên đánh đổ Mỹ và chính quyền Sài Gòn, hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ. Dưới sự chỉ đạo của Ban An ninh Sài Gòn Gia Định, cụm A10 đã thực hiện tấn công chính trị như sau:

- Kích động lực lượng cực hữu chống Thiệu quyết liệt, tạo điều kiện cho quần chúng đấu tranh, thúc bọn này và Thiệu xâu xé nhau, làm Mỹ không chủ động được trong kế hoạch thay Thiệu.

- Tác động lực lượng ba (nhóm Minh) tích cực hoạt động làm bình phong cho quần chúng tấp vào góp phần thúc đẩy phong trào bên trên hỗ trợ phong trào xưởng, xóm, trường học hình thành mặt trận đoàn kết lật Thiệu.

Để chia rẽ lực lượng cách mạng ở nội thành, Mỹ - Thiệu cho thành lập vài ba tổ chức nhằm thu hút quần chúng, đánh lạc hướng dư luận đang chĩa vào Thiệu. Ủy ban chống tham nhũng của Trần Hữu Thanh ra đời. Ban An ninh T4 đã chỉ đạo cụm điệp báo A10 cài cơ sở vào nắm tình hình hoạt động của chúng, đồng thời vừa phân hoá nội bộ vừa vạch mặt bọn " Đối lập cuội" nên quần chúng không mắc mưu của địch, nên ủy ban này chỉ có trên danh nghĩa chứ không làm được gì.

Thành ủy rất quan tâm chỉ đạo hình thành " lực lượng thứ ba" gồm các nhân sĩ trí thức, lãnh tụ tôn giáo tiến bộ (Ông Trần Ngọc Liễng,...) các dân biểu đối lập (các ông Hồ Ngọc Nhuận, Lý Quý Chung), ... Lực lượng thứ ba tiêu biểu cho xu hướng chính trị của nhân sĩ trí thức đòi hòa bình, độc lập, dân chủ. Cụm A10 tổ chức cơ sở có vị trí lực lượng thứ ba làm nồng cốt và hoạt động theo mục tiêu của cấp ủy đề ra, phối hợp với các lực lượng quần chúng cách mạng ở xưởng, xí nghiệp, xóm dân cư là lực lượng căn bản của cách mạng.

Ngày 22/09/1974, Mỹ Thiệu vạch ra "kế hoạch Sao Chổi" ... Kế hoạch chưa thực hiện thì cơ sở mật của cụm A10 đã lấy được. Đồng chí Huỳnh Bá Thành (Hoạ sĩ Ớt), nhà báo tờ Điện Tín - một cán bộ điệp báo của Ban An ninh T4 đã lột trần "kế hoạch Sao Chổi" trước dư luận (Báo Điện Tín ngày 1/10/1974) gây nên làn sóng căm phẫn lan tràn. Tập đoàn Thiệu hết sức bối rối.

Các cán bộ Cụm A10 với danh nghĩa hợp pháp trong giới ký giả và chủ báo đã làm nòng cốt cho cuộc xuống đường vào ngày 10/10/1974, ngày "Ký giả ăn mày" với khẩu hiệu "Còn Thiệu còn chiến tranh".

Phát huy khí thế các cuộc đấu tranh liên tiếp nổ ra. Ngày 20/11/1974 hơn ngàn người biểu tình đòi Thiệu thả tù chính trị. Ngày 4/12/1974, Uỷ ban hành động cho công bằng xã hội ra đời tập hợp trên 10 ngàn sinh viên Thiên chúa giáo.

Đêm Noel 24-12-1974 hàng trăm thanh niên học sinh và sinh viên Thiên chúa giáo tổ chức meeting tại nhà thờ dòng Chúa cứu thế Vườn Xoài (quận 3) phản đối chính quyền Sài gòn bắt lính. Cuối năm 1974 Sài Gòn có khoảng 40 tổ chức chính trị xã hội chống Thiệu, đòi tuyển cử, đòi tự do dân chủ, cải thiện đời sống.

Trước khi kết thúc năm 1974, Thiệu bị thêm một đòn đau : cùng các lực lượng của Thành ủy,các cơ sở nòng cốt của Cụm A10 tổ chức cho binh lính và sĩ quan quân đội Sài Gòn "Bất tín nhiệm Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu" ngay tiền sảnh hội trường Lam Sơn (trụ sở của Hạ Nghị viện nay là Nhà hát thành phố).

Năm 1975, phong trào đấu tranh của quần chúng tiếp tục dâng cao : 18 đoàn thể thuộc nhiều khuynh hướng chính trị cùng ký chung một bản kiến nghị đòi Mỹ chấm dứt viện trợ cho Thiệu, đòi Thiệu từ chức (25-1), 23 tổ chức công bố chung một bản cáo trạng tố cáo Thiệu là sản phẩm của chiến tranh (1-2-1975), giới ký giả tổ chức mừng xuân Ất Mão tại rạp Khải Hoàn, lễ đài mừng xuân đã trở thành diễn đàn tố cáo Thiệu phát xít độc tài, lên án Thiệu khủng bố, đàn áp, bắt bớ ký giả, sinh viên, đóng cửa các báo.

Ngày 15/3/1975 tại căn cứ Thành uỷ ở Long Khánh, cùng một số cán bộ bí mật ở nội thành, Huỳnh Bá Thành báo cáo với đồng chí Mai Chí Thọ và đồng chí Lê Thanh Vân tình hình phong trào đô thị, tình hình địch, về lực lượng thứ ba...sự mâu thuẫn và phân hoá chính trị trong nội bộ địch đã cực kỳ sâu sắc, lực lượng quần chúng công nhân, sinh viên học sinh, dân nghèo thành thị, tiểu thương và kể cả binh lính Sài Gòn đều mong muốn lật chính quyền Sài Gòn, chấm dứt chiến tranh, tình thế cách mạng đã thực sự đi đến chín muồi, lực lượng trung gian đang ngày càng gắn với phong trào của quần chúng đang lớn mạnh vững chắc từ các lõm chính trị. Đồng chí Mai Chí Thọ và đồng chí Lê Thanh Vân đã chỉ đạo cụ thể Huỳnh Bá Thành ***"nếu quân ta đánh tràn đồng thì phải theo Đài Hà nội và Đài Giải phóng và nhớ rằng bằng mọi cách thực hiện tấn công chính trị Dương Văn Minh thay Thiệu rồi bàn giao chính quyền cho cách mạng thì đỡ đổ máu, đó là chủ trương của Đảng tránh tổn thất cho nhân dân, nếu kẻ thù ngoan cố tử thủ thì trận chiến sẽ quyết liệt và không thể lường nổi tổn thất về người, của".***

Chấp hành chỉ thị của Đảng, Cụm A10 đã tiến hành các hoạt động tấn công chính trị: Huỳnh Bá Thành và các dân biểu tiến bộ có quan hệ với cách mạng tác động thúc đẩy nhóm Dương Văn Minh ra bản tin công khai, phát cho 40 đoàn thể công khai ở nội thành. Mặt khác, thúc đẩy nhóm Dương Văn Minh đứng ra làm bình phong cho 40 đoàn thể, phong trào quần chúng cách mạng (phần lớn do ta chi phối) hoạt động thuận lợi, tác động Dương Văn Minh liên kết với các hoạt động tiến bộ đòi lật Thiệu.

Ngày 4-4-1975 Trần Thiện Khiêm từ chức, ngày 14-4 Nguyễn Bá Cẩn thay Khiêm làm thủ tướng; Ngày 21-4 Nguyễn Văn Thiệu đọc diễn văn từ chức, và Phó Tổng thống Trần Văn Hương thay Thiệu. Cụm A10 qua các dân biểu như Lý Quý Chung, Phan Xuân Huy, Dương Văn Ba... ra bản tuyên cáo chống "Chính phủ Thiệu không có Thiệu" đòi Trần Văn Hương từ chức.

Sáng 25-4-1975, nhóm dân biểu đối lập công bố 40 tuyên cáo (đòi Hương giao quyền cho Dương Văn Minh) ra Thượng Nghị Viện phân phát, đúng lúc số nghị sĩ , dân biểu phản động họp để tấn phong Hương. Hội trường hỗn loạn khi Lý Quý Chung đoạt micro đọc tuyên cáo, cuộc họp tấn phong Hương bị thất bại.

Đồng chí Huỳnh Bá Thành, theo chỉ thị của Ban lãnh đạo An ninh T4 đã bám sát Dương Văn Minh từ lâu, vào lúc 3g chiều ngày 29/04/1975 đã thay mặt Mặt trận Giải phóng Dân tộc Miền Nam Việt Nam truyền đạt với Tổng thống Dương Văn Minh: "Tôi là cán bộ của mặt trận, có nhiệm vụ truyền lệnh của Thượng tướng Trần Văn Trà yêu cầu ông tướng (tức Minh) giao chính quyền lại cho cách mạng. Lời yêu cầu này được hiểu như là lệnh và thời hạn là 6g chiều nay." Minh hứa: "Sẽ suy nghĩ".

Lúc 9g30 sáng (giờ Sài gòn) ngày 30/4/1975, đài phát thanh Sài Gòn phát bản tuyên bố của Dương Văn Minh kêu gọi quân đội Sài Gòn đơn phương ngừng bắn và bàn giao chính quyền cho Cách mạng.

11g30 (giờ Sài gòn) lá cờ của Mặt trận Dân tộc Giải phóng Miền Nam Việt Nam đã tung bay phất phới trên nóc Dinh Độc lập. Tổng thống Dương Văn Minh tuyên bố đầu hàng.

Sau ngày toàn thắng, trong lần gặp Dương Văn Minh, đồng chí Lê Đức Thọ hỏi: "Những ngày tháng Tư có nhiều lực lượng tác động đến ông, công an có, tình báo có, trí vận có, lực lượng ba có,... lực lượng nào tác động mạnh nhất để ông ra tuyên bố sáng 30 tháng Tư đó?

Dương Văn Minh trả lời:Nhóm Hoạ sĩ Ớt.

Phóng viên: Đồng chí đánh giá như thế nào về vai trò của Tổng thống Dương Văn Minh?

Về sự kiện Dương Văn Minh tuyên bố đơn phương ngưng bắn lúc 9 giờ 30 ngày 30/4 và sau đó tuyên bố đầu hàng lúc 11 giờ 30 ngày 30/4 đã được dư luận trong và ngoài nước bình luận rất nhiều. Bởi vì nó liên quan trực tiếp đến việc lực lượng cách mạng đã chiếm lĩnh một thành phố nguyên vẹn với tổn phí tối thiểu về nhân mạng mà giành thắng lợi trọn vẹn. Đó là thể hiện Bộ chỉ huy Cách mạng đã tổ chức lãnh đạo thực hiện được chiến lược và sách lược tối ưu.

Các bạn nên biết rằng khả năng bùng nổ một chiến tổng lực về quân sự là có thực bởi vì lực lượng địch vẫn còn rất mạnh. Vòng ngoài Sài Gòn có 5 sư đoàn bộ binh. Ngoại vi thành phố có 4 lữ đoàn Dù và 3 liên đoàn Biệt động quân ở 4 khu vực Bắc - Đông - Tây - Nam Sài Gòn. Nội đô có 17.000 cảnh sát cùng lực lượng phòng vệ dân sự, các đơn vị bảo vệ hậu cứ được tổ chức thành 5 liên khu... Ngoài ra còn nhiều xe tăng thiết giáp. Không quân còn 150 máy bay. Hải quân còn nguyên lực lượng. Các kho vũ khí vẫn còn, trong đó có bom chùm hơi ngạt CBU (Cluster Bomb Units); hỏa tiễn TOW, loại vũ khí đắt tiền, bắn xe tăng bằng điện tử đảm bảo chính xác ở tầm xa 3km... Dàn binh bố trận hai bên như vậy nhưng diễn ra trong thực tế thì hai khối lực lượng vũ trang này không có sự đụng độ lớn trên địa bàn trung tâm thành phố.

Thế nhưng Thành phố được giải phóng mà không bị đổ nát vì bom đạn là do:

- Một là: Mỹ đã đến lúc hoàn toàn nản lòng, Mỹ còn hy vọng có một chính phủ liên hiệp, tồn tại khoảng vài tháng ở miền Nam Việt Nam để tuy thua nhưng được hạ cờ trong danh dự (Chiều 28-4, lễ nhậm chức tiến hành tại Dinh Độc Lập, Dương Văn Minh cử Nguyễn

Văn Huyền làm Phó Tổng Thống và Vũ Văn Mẫu làm Thủ Tướng, giao Nguyễn Văn Huyền đặc trách hòa đàm).

- Hai là: Đảng cũng muốn tìm mọi cách để giải phóng được Sài Gòn mà ít đổ máu, thành phố không bị đổ nát, nên chỉ đạo đồng thời với tấn công quân sự là sự nổi dậy của quần chúng, các cơ sở cách mạng tích cực hoạt động từ bên trong, để có sự nhanh chóng đầu hàng.

- Ba là: Dương Văn Minh lên làm Tổng thống không chủ trương đối đầu. Ông Minh muốn thay Hương vì thấy Hương thân Mỹ, quá hung hăng chống cộng, nếu không đứng ra nhận trách nhiệm tổng thống thì e rằng phe cực hữu sẽ làm đảo chính và sẽ tuyên bố tử thủ, cuối cùng rồi cũng thua nhưng gây nên nhiều cảnh thảm khốc.

Chính vì vậy Trung ương Cục Miền Nam chỉ đạo tiếp tục giữ mối liên hệ với Dương Văn Minh vì cho rằng Minh đối với Mỹ vẫn còn là con bài cuối cùng mà Mỹ sẽ cần đến... Ông Minh coi mình thuộc phái quốc gia thân cộng sản, đối với Mỹ chỉ làm bạn, không làm bồi. Nhậm chức tổng thống ngày 28-4, ông Minh gửi ngay công hàm số 033-TT/VT cho Đại sứ Mỹ yêu cầu chỉ thị cho các nhân viên của cơ quan tùy viên quân sự (Defense Attache Office viết tắt là DAO) rời khỏi Việt Nam trong 24 giờ kể từ ngày 29-4-1975 và ông Minh cũng bác bỏ lời khuyên của một tướng Pháp về hưu, đừng vội đầu hàng để lên tiếng tuyên bố nhờ nước ngoài giúp đỡ.

Ông Minh cũng đồng ý với đề nghị của cách mạng thông qua các cơ sở của Cụm A10, chờ cho quân đội ta vào nội thành mới tuyên bố đơn phương ngưng bắn và sẵn sàng bàn giao chính quyền cho cách mạng. Nếu tuyên bố sớm, lúc quân cách mạng chưa vào, thành phố bỏ ngỏ sẽ bị hỗn loạn, nhân dân lâm cảnh bị cướp phá. Do đó đến 9 giờ 30 ngày 30-4-1975, bản tuyên bố mới được phát trên Đài Phát thanh Sài Gòn.

Thành phố Sài Gòn được giải phóng và còn giữ được nguyên vẹn, không bị bom đạn làm đổ nát, không có tình trạng tắm máu trả thù, không bị cảnh hỗn loạn vô chính phủ, trước hết là do các chủ trương chính sách đúng đắn của Đảng về kết hợp tấn công quân sự với chính trị và binh vận đã được toàn Đảng, toàn quân, toàn dân thực hiện rất tốt. Trong quá trình thực hiện đã có công lao rất to lớn của lực lượng đội quân ngầm do các cơ quan binh vận, tình báo, dân vận... đã dày công xây dựng, có sự đóng góp tích cực và có hiệu quả của nhiều trí thức nhân sĩ yêu nước và của ông Dương Văn Minh.

1. Tuyên bố của Dương Văn Minh lúc 9giờ 30 ngày 30.04.1975:

"Đường lối,chủ trương của chúng tôi là hòa giải và hòa hợp dân tộc để cứu sanh mạng đồng bào.Tôi tin tưởng sâu xa vào sự hòa giải giữa người Việt Nam để khỏi phí phạm xương máu người Việt Nam.Vì lẽ đó,tôi yêu cầu tất cả anh em chiến sĩ cộng hòa hãy bình tĩnh,ngưng nổ súng và ở đâu ở đó.Chúng tôi cũng yêu cầu anh em chiến sĩ Chánh phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam ngưng nổ súng.Chúng tôi ở đây chờ gặp Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam để cùng nhau thảo luận về lễ bàn giao chính quyền trong vòng trật tự,tránh đổ máu vô ích của đồng bào."

2. Tuyên bố của Dương Văn Minh lúc 11 giờ 30 ngày 30.04.1975:

"Tôi, Đại tướng Dương Văn Minh,Tổng thống chính quyền Sài Gòn,kêu gọi quân lực cộng hòa hạ vũ khí, đầu hàng không điều kiện Quân giải phóng miền Nam Việt Nam.Tôi tuyên bố chính quyền Sài Gòn từ trung ương đến địa phương phải giải tán hoàn toàn."

Giáo sư Lý Chánh Trung, nhân sĩ, nguyên đại biểu Quốc hội các khóa VI, VII, VIII, nguyên Phó Chủ nhiệm Ủy ban Văn hóa Giáo dục Quốc hội khóa VIII, Ủy viên Đoàn Chủ tịch UBTWMTTQVN, Phó Chủ tịch MTTQ TP.HCM

Phóng viên: Xin Giáo sư cho biết tiếng nói của giới trí thức Sài Gòn và vai trò của lực lượng đô thị ở vùng Sài Gòn bị tạm chiếm có tác động như thế nào đến thắng lợi ngày 30/4/1975?

Lý Chánh Trung: Ai dám nói mình có tác động gì, nhưng chắc là có tác động. Dài, ngắn, sâu cạn thế nào thì làm sao mà đo được. Vai trò đó, nói thật không lớn lắm đâu, vì lúc đó chiến tranh rất ác liệt, súng đạn là tiếng nói lớn

nhất, tiếng nói của con người thì nhỏ thôi. Tiếng nói của những người kêu gọi hòa bình, hòa giải, hòa hợp dân tộc lúc đó có một tầm quan trọng nhất định, bởi vì đó là những điều bị tuyệt đối cấm kỵ của chế độ cũ. Có những điều cấm kỵ không thể vượt qua, như đòi một chính phủ liên hiệp với cộng sản, hoặc một cái gì đó có thể ngụ ý sống chung với cộng sản. Cái lẽ sống còn của chế độ Sài Gòn là không sống chung được với cộng sản bất cứ giờ phút nào, bất cứ ở đâu. Họ chống cộng cũng phải, vì họ có cái gì đâu, họ chỉ là cái bóng của nhà cầm quyền Mỹ, cái bóng của lính Mỹ mà trước lính Mỹ là Pháp và họ ý thức điều đó. Thành ra họ rất nhạy bén trong việc cấm kỵ bất cứ một biểu tượng nào hay một lời nói nào có thể nhắc lại thực chất của họ. Tôi lợi dụng tình thế là tôi ở trong đại học và đại học có cái quyền tự trị của nó, các vị lãnh đạo đại học dù trong thâm tâm có nghĩ gì đi nữa thì vẫn rất nhạy bén về vấn đề tự trị đại học. Lợi dụng tình hình đó, tôi và một số anh em khác có những lời nói nó không thể có ở bên ngoài đại học. Những lời nói đó nhằm lợi dụng (cũng một thời gian không dài lắm) thời gian lúc ông Thiệu và ông Kỳ vừa nắm quyền vừa ganh tỵ và đấu tranh với nhau. Đầu tiên, khi ông Thiệu chưa đánh bạt ông Kỳ ra, đó là thời kỳ dễ nhất vì cả hai ông đều cũng phải ve vãn phần nào thành phần trí thức, thì tự nhiên người ta để cho chúng tôi nói, nói mức độ nào thôi. Nhờ đó mà có những bài, ví dụ như Tại sao tôi muốn hòa bình? đọc tại trụ sở Tổng hội sinh viên theo lời mời của Huỳnh Tấn Mẫm. Bài này gây được tiếng vang lớn cho chính nghĩa hoà bình, được các báo đăng trên trang nhất mà không bị tịch thu, ngay cả tờ chống cộng nhất là tờ Chính luận cũng đăng. Một phần bởi vì tôi nói rất rõ ràng, nhưng cũng cân nhắc từng chữ.

Làn sóng đấu tranh đòi rút hết quân Mỹ về nước, lật đổ chính quyền Sài gòn dâng lên mạnh mẽ khắp miền Nam

Phóng viên: Được biết trong tất cả các bài báo của Giáo sư viết trên các phương tiện công khai ở Sài Gòn để kêu gọi hòa bình, hòa giải, hòa hợp dân tộc, chúng tôi biết, có bài "Nói chuyện với người đã khuất" viết về Chủ tịch Hồ Chí Minh. Sau khi bài báo đó ra đời, xin Giáo sư cho biết phản ứng của dư luận như thế nào?

Lý Chánh Trung: Tôi cũng khó tưởng tượng được cái việc như thế, năm đó là năm Cụ Hồ mất, lúc đó anh Nguyễn Văn Trung làm Chủ nhiệm Tạp chí Đất nước, tôi làm chủ bút, còn viết thì hầu như tất cả các anh em trí thức tiến bộ đều có cộng tác. Khi nghe tin Cụ Hồ mất thì chúng tôi họp lại liền và quyết định ra một số đặc biệt về Hồ Chí Minh: đó là số 14 tháng 10 năm 1969. Đây thật sự là một bài hay (tôi nghĩ là một trong những bài mà tôi viết đạt nhất, viết rất nhanh, viết trong một đêm). Ngày mà bài đó xuất hiện, năm nào đến kỷ niệm sinh nhật Bác Hồ thì bài đó vẫn được đọc trích cả trên 2 đài, đài Mặt trận và đài Hà Nội. Khi tôi ra Bắc sau giải phóng (đoàn miền Nam đi ra miền Bắc dự lễ Quốc khánh đầu tiên - ngày 2/9/1975), vui lắm, đồng bào ai cũng nhắc đến bài đó, mà đi đâu người ta cũng hỏi, tôi được nhân dân miền Bắc biết đến là nhờ bài đó.

GS Lý Chánh Trung (thứ ba từ trái sang) đang tiếp TBT Đỗ Mười tại nhà riêng.

Phóng viên: Được biết Giáo sư là người chấp bút cho bài diễn văn nhậm chức của Tổng thống Dương Văn Minh, xin Giáo sư cho biết hoàn cảnh nào mà Giáo sư lại chấp bút bài diễn văn đó và đoạn văn nào là khó viết nhất trong bài diễn văn này?

Lý Chánh Trung: Ông Dương Văn Minh là người chủ hòa. Lúc mà chiến tranh ác

liệt nhất thì những người trí thức đi tìm một giải pháp hòa bình nào đó cho Việt Nam thì cũng phải gặp nhau để tìm một minh chủ, vì không ai đủ lực để mà ngồi ở ghế minh chủ cả. Khi phân tích thế nào là một người có thể lãnh đạo tại Sài Gòn này, một phong trào chủ hòa mà không bị tức khắc nhốt vô khám, bị đàn áp. Tôi có ý nghĩ đầu tiên, người đó phải là một vị tướng lãnh quân đội, ngoài một ông tướng lãnh ra thì bất cứ một chính khách nào dù có uy tín cách mấy, họ cũng nhốt hoặc là cho đi an trí. Phải có một ông tướng, ông tướng đó phải là người có uy tín đối với quân đội Sài Gòn mà đồng thời cũng được phe bên kia (cách mạng) nhìn nhận là một người có lương tâm, một người tốt có thể nói chuyện được. Tìm trong các tướng lãnh cao cấp, thì chỉ có ông Dương Văn Minh là thỏa mãn được tất cả những điều kiện đó. Tất cả anh em đều tìm và tất cả mọi người đều đồng ý là chỉ có ông Dương Văn Minh thôi. Mà ông Minh thì ông ấy không đợi anh em tìm đến. Lúc đó chính ông cũng nghĩ phải làm một cái gì đó, phải tập hợp một số trí thức. Ông Minh lưu vong từ Thái Lan về đã lập ra một nhóm thân hữu nhưng chưa hoạt động công khai, và lời tuyên bố khi về nước là do Lý Quý Chung viết. Sau đó, ông Minh mới tập hợp một số trí thức, tướng tá v.v... và không có tôi. Khi nhóm đã bắt đầu hoạt động thì không biết do ai đề nghị, ông Minh đã nghĩ đến tôi.

Chuyện này rất vui, một trong những người thân nhất của ông Minh là anh Trần Ngọc Liểng, luật sư. Anh Liểng cũng thường gặp một số anh em bàn về thời sự. Bữa đó, anh hỏi: "Nè Trung, gặp ông Minh không?" Tôi hỏi: "Ông Minh nào?" - "Ông Minh Dương". Ông này tôi rất mến bởi vì nghe nói ông ấy là tướng lãnh, lại muốn hòa bình. Anh Liểng nói: "Vậy thì đi, để tôi đưa tới gặp ổng". Tôi cười : "Nè Liểng, tôi đâu phải là thằng chạy chỗ đâu, tôi đâu có cần gặp ông Minh. Nếu ông Minh muốn bày trò nào đó thì ổng phải tìm quân, nếu mà một trong những quân đó là tôi thì chính ổng phải đến tận nhà mời tôi". Anh Liểng thấm thía câu nói đó. Ít lâu sau, có người cho hay ông Minh sẽ đến thăm. Tôi tiếp ông vui vẻ và khi nói chuyện mới biết là giữa ông ấy với gia đình bên vợ tôi là có dính líu, đặc biệt là giữa ông với chị Bùi Thị Mè có mối quan hệ trước đây thuở hai người còn trẻ. Ông Minh lên nhà tôi lần đầu thì không nói gì cả, chỉ làm quen, và tôi cũng không nói gì hết. Tới lần thứ hai thì ông mới mời tham dự nhóm thân hữu thì tôi nhận ngay, nghĩ trong bụng thì đáng lẽ phải đợi ổng lên lần thứ ba. Lúc đó cái mà ông Minh thiếu là một người viết diễn văn, đủ sức phân tích tình hình một cách mạch lạc, chính xác và đó chính là nhiệm vụ được giao cho tôi. Tôi nhận từ đó cho tới ngày 30/4/75 (trừ những điều ông Minh ứng khẩu nói ra). Sau giải phóng, ngày mùng 3/5/75, tôi tới thăm ông, lúc đó ông từ Dinh Độc Lập về rồi. Ông cười, nói rất vui và thanh thản: "Về lời đầu hàng thì khỏi nhờ tới anh vì đã được viết sẵn rồi". Đó là những kỷ niệm rất quý của tôi về ông Dương Văn Minh.

Bài diễn văn nhậm chức viết rất kỹ, bởi vì người ta sẽ đọc rất kỹ, hai bên, kể cả thằng Mỹ đều đọc. Phải nói làm sao để không bị kết tội là một bài diễn văn đầu hàng, mà cũng không có một cái gì có thể xem là chủ chiến. Cái đoạn khó nhất là đoạn nói với quân đội Sài Gòn, lúc đầu tôi viết "Nhiệm vụ của anh em giờ đây là bảo vệ hòa bình". Bài viết xong phát cho bộ tham mưu đọc để góp ý nhưng chẳng có ý kiến gì từ phía các vị tướng tá trong nhóm. Có lẽ vì chính họ nghe cũng phải "Nhiệm vụ của anh em giờ đây là bảo vệ hòa bình", vậy thôi. Nói gọn ơ vậy đó, như là hòa bình đã có rồi. Sau khi cả nhóm về hết, chỉ còn một đêm nữa là ông Minh nhận chức tổng thống, khi ấy tôi đang ở nhà ông. Tôi thức đến khuya thì đến gõ cửa phòng ông, ông chưa ngủ, tôi nói: "Bây giờ phải thêm một đoạn nữa chứ không thì thằng Kỳ sẽ có cớ để đảo chánh". Bởi vì buổi chiều hôm trước, Kỳ đến nói chuyện với ông Minh, Kỳ chấp nhận ông làm tổng thống nhưng đòi phải cho Kỳ làm thủ tướng kiêm bộ trưởng quốc phòng, ông Minh từ chối dứt khoát, Kỳ sẽ không có một vai trò gì hết trong chính phủ mới. Cãi cọ một hồi, ông Minh vẫn giữ lập trường, Kỳ ra về đánh sập cửa rất mạnh, giận lắm và bắt đầu đi tuyên truyền chống lại Dương Văn Minh trong các đơn vị không quân. Tình hình rất nguy hiểm vì đảo chánh có thể xảy ra trong những giờ chót, nó sẽ xóa hết tất cả những cố gắng đã làm trong mấy năm để ngưng chiến, trao quyền có trật tự và nói trắng ra là đầu hàng. "Phải thêm 4 chữ thôi là bảo vệ *phần đất còn lại*. Nói với quân đội Sài Gòn, đại tướng phải nói câu đó, không nói thì thằng Kỳ đảo chánh, có nói thì thằng Kỳ không có lý do để đảo chánh mà cả những người muốn hòa trong quân đội Sài Gòn họ cũng đồng tình hơn". Sau khi suy nghĩ, ông Minh đồng ý thêm 4 chữ đó vào và nhờ chị Tô Thị Ánh dịch lại toàn bộ bài diễn văn ra tiếng Anh. Điều đó là

cái khó nhất mà tới giờ chót, đánh máy rồi vẫn suy nghĩ hoài có nên hay không nên để vô.

Phóng viên: Giáo sư đánh giá như thế nào về vai trò của ông Dương Văn Minh trong những ngày cuối cùng tháng 4 năm 1975?

Lý Chánh Trung: Vai trò vừa rất quan trọng, vừa rất khiêm tốn và không có gì "vinh quang" cả, còn có thể nói là tủi nhục nữa. Ông Minh lại là một tướng lãnh có uy tín nhất đồng thời cũng có chiến công nhiều nhất trong quân đội Sài Gòn. Những ngày đầu tiên của chế độ Diệm, người góp phần quyết định để giữ vững ông Diệm là Đại tá Dương Văn Minh (dẹp Bình Xuyên, dẹp luôn Hòa Hảo ở miền Tây). Một người như vậy chấp nhận làm tổng thống chỉ để đầu hàng là rất khó, khó lắm. Mình phải hiểu cái điều đó cho ông. Ở lại với tất cả những nguy cơ có thể xảy ra, phải gánh hết, kể cả trường hợp bên kia không chấp nhận thì sao. Lựa chọn này đối với một vị tướng thật là khó khăn. Kết quả là lịch sử đã sang trang một cách thanh bình.

Phóng viên: Giáo sư có lời nhắn nhủ nào đối với thế hệ trẻ hôm nay?

Lý Chánh Trung: Tôi chẳng dám nhắn nhủ gì đâu, tôi có làm cái gì cho ra trò trống đâu mà nhắn nhủ. Thế hệ trẻ hiện giờ đang vươn lên, tôi nghĩ họ đủ sức để nhận định tình hình cũng như chúng tôi hồi đó vậy, cũng đủ sức nghĩ ra cho mình một cách dấn thân, một cách hoạt động nào đó có lợi ích cho đất nước. Hiện nay, nước Việt Nam đã thống nhất, đó là điều mà tất cả người Việt Nam đều mong muốn và yêu quý. Đồng thời, sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản cũng là một điều bảo đảm rằng là sẽ không có phân ly nữa. Một trong những nguy cơ của dân tộc Việt Nam là sao cứ phân ly hoài, trong lịch sử là có 2 lần rồi. Cả hai lần đều gây rất nhiều tang tóc, rất nhiều mất mát cho dân tộc nói chung, gây một chấn thương rất sâu và rất lâu cho những thế hệ phải trải qua giai đoạn đó. Tuyệt đối không có lặp lại cái trò điên khùng đó nữa, cái trò chia đôi. Bởi vì nước mình giống một cô gái Việt Nam, mảnh mai quá đi, bất cứ thằng xâm lược nào, nó thấy "thắt lưng ong" của mình nó cũng thèm. Vì cái "lưng ong" này mà luôn luôn có cái nguy cơ đó từ phía nước ngoài, từ phía bên trong nước. Cho nên tất cả người Việt Nam phải ý thức cái nguy cơ đó và luôn sẵn sàng dập tắt những âm mưu chia rẽ. Ngay sự khác nhau giữa 3 miền là một yếu tố làm cho dân tộc mình đa dạng, đa dạng thì đa dạng nhưng đừng có chuyện "anh ở nhà anh, tôi nhà tôi". Mỗi vùng có sắc thái riêng, yêu mến và muốn giữ cái sắc thái đó là tốt thôi, chứ có sao đâu. Có điều đừng thành ra cái nước riêng hoặc đòi tự trị như mấy ông "Nam kỳ quốc" thời kháng Pháp.

Tiến sĩ Huỳnh Văn Tòng, nguyên Trưởng khoa Báo Chí Học, nguyên Giảng viên khoa Đông Nam Á Học - Đại học Mở Bán công Thành phố Hồ Chí minh, nguyên cán bộ cơ sở cụm Điệp báo A10, An ninh T4.

Phóng viên: Được biết Tiến sĩ là người cùng với KTS Nguyễn Hữu Thái chứng kiến Đại úy Bùi Quang Thận cắm lá cờ chiến thắng lên nóc Dinh Độc Lập vào lúc 11h30' (giờ Sài Gòn) ngày 30/4/1975. Cảm giác của Tiến sĩ lúc bấy giờ như thế nào?

Huỳnh Văn Tòng: Từ thuở 13 tuổi, tôi đã dám bỏ nhà chạy vô khu. Trong đó, tôi có ông anh họ làm công an xã vừa bị Tây đánh chết. Tôi đã biết căm thù từ đó. Tôi theo cách mạng ngay từ nhỏ (rải truyền đơn trước cửa đồn quân đội...). Lớn lên, cũng thế thôi. Trong những phong trào thời kỳ học sinh - sinh viên (thời kỳ phong trào Phật giáo nổi lên chống Diệm), không có cuộc biểu tình nào mà không có tôi. Lòng mình nao nao thế nào, mỗi lần xuống đường thấy sung sướng làm sao. Mỗi lần chống Diệm, đi bỏ phiếu cho Diệm, cái sướng nhất là tôi cầm lá phiếu gạch chữ thập vào đó, về nhà khoái lắm mặc dù cũng hơi sợ. Rồi tới phong trào chống Nguyễn Khánh cũng ầm ầm xuống đường.

Tổng thống Dương Văn Minh (áo đen ngồi giữa) đang đọc lời đầu hàng. KTS Nguyễn Hữu Thái (mặc áo trắng đứng thứ 2 từ phải sang)

Sau đó, đi học ở Pháp (1963-1972) thời gian ở Pháp gia nhập tổ chức Hội Liên hiệp sinh viên Việt Nam tại Pháp của những người thân cách mạng. Bên đó, tất cả những cuộc biểu tình, xuống đường, không phải riêng của Việt Nam trong vấn đề chống Mỹ mà ngay cả của người Pháp, tôi cũng đến tham gia, hay của bất kỳ một biến cố lớn nào trên thế giới mà những người cánh tả của Pháp xuống đường biểu tình đều có mặt tôi. Làm như là, lúc bấy giờ, cái tình cảm của tôi gần như thấm nhuần tư tưởng cách mạng hồi nào mà tôi không biết. Mà cái đó tự tôi chứ không ai gieo rắc, không ai tuyên truyền cho tôi, tự tôi cảm thấy điều đó là đúng, tôi nghiêng về phía cách mạng. Tôi chống Mỹ là đúng, chống chế độ Sài Gòn là đúng, đó là nhận định của tôi.

Hồi ấy, tôi say mê đọc sách về chủ nghĩa Mác, say mê chủ nghĩa xã hội. Khi sắp về nước, tôi tâm sự với mấy người bạn: "Kỳ này chắc chắn là về nước". Đám bạn cười nói: "Mày về làm cái gì?". Tôi nói một câu, nói chơi thôi, nhưng không ngờ câu nói đó trở thành sự thật "Tao muốn về nước để chứng kiến giờ phút lịch sử của Việt Nam". Cho nên, khi mà kéo lá cờ cách mạng lên nóc Dinh Độc Lập, tôi mới nhớ lại câu nói đó. Rõ ràng là tôi đã chứng kiến giờ phút lịch sử, dù lúc đó chắc tôi nghĩ là nói chơi.

Về Việt Nam, sau đó đi dạy ở mấy trường đại học. Vào lớp, ngoài bài giảng ra, tôi rất thích nói về vấn đề thời sự mà thời sự ở đây là dính tới Việt Nam, đôi khi cả thế giới nữa. Ví dụ: Vấn đề giữa Israel và Palestine không dính dáng gì đến Việt Nam nhưng cần nói ra để sinh viên biết đâu là lẽ phải, đâu là chính nghĩa. Nhân dịp 11 thành viên Israel bị giết ở Munich (Thế vận hội ở Đức), cả thế giới lên án Palestine. Hồi đó, tôi có viết một bài xã luận trên báo Điện tín - báo của ông Dương Văn Minh. Tôi đặt vấn đề: "Tại sao lại 11 người Israel đó mà cả thế giới đều nói, hàng mấy triệu người Palestine bị vùi dập, bị đàn áp, bị giết chết mà không ai nói tới?". Khi tôi dạy học, tôi luôn luôn nói 2 cái thời sự: Một là, thế giới. Hai là, Việt Nam (có lẽ nói Việt Nam là nhiều nhất).

Đến mức có nhiều sinh viên biết, nhất là những sinh viên đứng về phía cách mạng, lân la theo tôi, thắc mắc không biết tôi có phải là Việt cộng hay không? Chính vì vậy, trong giờ giảng của lớp Cao học Báo chí Chính trị Kinh doanh của Viện Đại học Đà Lạt ở tầng 2, thương xá Tax, suốt tháng 3/1975, tôi vẫn vô dạy bình thường nhưng toàn nói chuyện thời sự chứ có dạy gì đâu. Lúc đó, tôi dạy môn Báo chí Thế giới mà toàn nói chuyện tình hình trong nước mà khuynh hướng của tôi rất rõ ràng là hướng về cách mạng. Nói rõ ràng nhưng không sợ, mặc dù tôi cũng hơi run và sợ bị bắt lắm (lúc đó một loạt những người trí thức và văn nghệ sĩ bị bắt), tôi cũng sợ nhưng mà cứ nói.

Dĩ nhiên là chính quyền Sài Gòn theo dõi tôi rất ghê lắm. Sau này tôi mới biết bị theo dõi là vì có một sinh viên bị bắt ở tù ra và nói: "Thầy ơi, em bị nó cho đi máy bay mấy lần. Nó hỏi tên thầy Huỳnh Văn Tòng là ai? Ngày mấy tháng mấy mày đi với nó đến đâu, làm gì?". Chính quyền Sài Gòn theo dõi tôi nhưng chưa có bằng cớ.

Trong lớp tôi dạy phần lớn là sinh viên lớn tuổi, giám đốc, Trung úy, Đại úy, Đại tá..., một hôm có người hỏi: "Thưa giáo sư, theo những gì giáo sư nói từ trước đến giờ, xin phép giáo sư cho em hỏi một câu: Giáo sư là đồng minh (theo Mỹ) hay đồng chí (Việt cộng)?". Nếu nói tôi là đồng minh thì không giống ai, nói là đồng chí thì cực kỳ nguy hiểm. Tôi trả lời luôn không cần suy nghĩ: "Tôi không phải đồng minh, không phải đồng chí, tôi là đồng bào". Cả lớp vỗ tay. Nói chung, do cái thích của tôi từ đâu thì tôi chưa hiểu ra, nhưng tôi luôn đứng về phía cách mạng. Mỗi đêm, nghe đài Hà Nội, đài Mặt trận, nghe đến lúc chính quyền Sài gòn mất tỉnh này tỉnh kia, tôi mua bản đồ về, mất tỉnh nào lấy bút đỏ khoanh tròn, càng khoanh càng thấy nó tiêu rồi.

Hồi sau giải phóng, có anh em miền Bắc vô gặp tôi, thấy Giáo trình Lịch sử tôi dạy, lấy đọc chơi, rồi hỏi: "Trời đất ơi! Anh dám viết một giáo trình như vậy ở miền Nam này sao?". Tôi nói: "Nói thật mấy anh, tôi viết không dám viết nhiều, nhưng vô lớp, tôi còn nói mạnh hơn cái này nhiều (ngày xưa có tự trị đại học, vô lớp muốn nói gì thì nói, miễn đừng nêu tên đích danh Nguyễn Văn Thiệu ra là nó quất liền. Còn nói bóng gió kiểu gì mặc kệ. Riêng Mỹ, tôi dám thẳng thắn dùng chữ đế quốc Mỹ, chủ nghĩa thực dân mới Mỹ, nhưng không ai nói gì. Dĩ nhiên là nó có theo dõi, trong lớp có sinh viên nó theo, nhưng không có bằng cớ).

Lúc đó, trong chính quyền Sài Gòn có người nghi tôi trong nhóm Dương Văn Minh, cũng có người nghi tôi là Việt cộng. Bởi vì nhiều bài viết của tôi, bài xã luận trên báo Điện tín, tôi hay dùng những từ ngữ của miền Bắc như bức thiết, bức xúc...

Nói chuyện này nhưng tôi không có bằng cớ. Khi ký kết Hiệp định Paris 1973, tôi nhớ gần Tết, tôi lái xe hơi về thăm quê. Vừa tới Trảng Bàng, tôi ngừng xe, thấy trên đường vắng hoe, nghe phía trước ầm ầm, không biết là gì, hỏi mấy người xung quanh mới biết vừa đánh nhau. Tất cả những điều đó làm cho tôi có cảm giác gì đó. Về Sài Gòn, tôi có viết một bài về cảm tưởng của mình sau khi ký kết Hiệp định Paris - Cảm nghĩ của một người trí thức Việt Nam như thế nào? Sau này, tay chuyên viên của Bộ Thông tin kiểm duyệt báo Điện tín có nói: "Bài đó có đăng nguyên văn trên báo Nhân dân ở Hà Nội, nó mua từ Hong Kong mang về. (Nói vậy thôi chứ tôi chưa chính mắt đọc tờ báo đó).

Trở lại ngày 30/4/75, trước đó mấy ngày, cái cảm tưởng của tôi thế nào đúng ra khó diễn tả. Khi nhìn thấy thiên hạ ồn ào di tản (bởi vì trường Báo chí của tôi lúc bấy giờ nằm cạnh sân bay Tân Sơn Nhất), ra ngoài đường thấy người ta hối hả chở đồ đạc đi, tâm trạng của tôi như thế nào khó mô tả lắm. Nhưng có lẽ giờ phút tôi thích nhất trong đời là cái đó, tôi nói: "Được, cái đám tụi bây theo Mỹ, bây giờ đi hết cho rồi". Trong lòng tôi nôn nao khó tả, tôi mừng lắm bởi tôi thấy cái ngày tàn của tụi nó.

Cho đến khoảng 10h sáng ngày 30/4, tôi biết tin chính xác là nhóm của ông Minh đầu hàng. Lúc bây giờ, tôi và kiến trúc sư Nguyễn Hữu Thái từ Trường Đại học Vạn Hạnh (bây giờ là Đại học Sư phạm TP. HCM - 222 Lê Văn Sỹ, Quận 3) đến Dinh Độc Lập. Mục đích đi là khuyên được gì thì khuyên, thật ra tôi không lạ gì ông Minh. Khi tôi và anh Thái đi vào bằng cửa sau, gặp Đại tá Đẩu - Chánh văn phòng của ông Minh bước ra, Đẩu nói: "Trời đất! Bây giờ làm sao?". Tôi nói: "Thôi, về đi. Xong hết rồi". Đẩu nghe lời tôi, bỏ chạy về nhà.

Lúc tôi với anh Thái bước vô Dinh Độc Lập thì nghe tiếng xe tăng chạy trên đường Thống Nhất (Lê Duẩn) - hai đứa mới chạy ra, lúc bấy giờ mọi người ngơ ngác, không biết chuyện gì xảy ra. Tôi thấy 2 xe tăng chạy từ Sở Thú lại, tôi với anh Thái chạy ra ngoài mở cửa lớn cho xe tăng vô nhưng cánh cửa quá cứng không mở được. Hai người đang loay hoay mở cửa thì anh bộ đội trên xe tăng khoát tay ra hiệu đứng qua một bên, chúng tôi vừa đứng qua một bên thì tăng ủi sập cửa luôn.

Khi vừa bước xuống, anh bộ đội trên xe tăng chỉ lá cờ 3 que hỏi: "Tại sao nó còn ở trên đó?". Tôi trả lời: "Trời ơi! Tôi đâu dám leo lên đó". Anh ấy nói lấy lá cờ đó xuống, và liền lấy lá cờ Mặt trận treo trên ăng-ten xe tăng rồi cùng tôi và anh Thái chạy vô thang máy, nhờ anh nhân viên trong đó điều khiển thang máy lên đúng ngay balcon, chỗ lá cờ. Ba người cùng nhau kéo lá cờ 3 que xuống (cờ rất nặng, 3 người kéo không nổi) và anh ấy (sau này mới biết tên là Bùi Quang Thận) lấy lá cờ mặt trận kéo lên (lá cờ đã bạc màu vì sương gió). Chính lúc kéo cờ lên, tôi chợt nhớ đến câu nói với mấy người bạn ở bên Pháp "Về nước để chứng kiến giờ phút lịch sử", lúc đó là 11h30'. Sau đó, tôi với anh Thái ra đài phát thanh Sài Gòn - đường Nguyễn Bỉnh Khiêm. Bước vào đài phát thanh, vắng hoe, vắng như chùa Bà Đanh, tôi tìm không thấy ai, nghe tiếng máy chạy rè rè. Tôi và anh Thái đi kiếm người, may quá, tôi thấy một ông chuyên viên kỹ thuật đang trốn trong tủ. Tôi nói: "Ông làm sao cho máy chạy, nói được cho tôi?", người chuyên viên đó cho máy chạy. Người nói tiếng nói đầu tiên là tôi và anh Thái: "Chúng tôi là những người đại diện cho Ủy ban Nhân dân Cách mạng Sài Gòn -Chợ Lớn - Gia Định. Chúng tôi là những người đầu tiên tới dinh Độc Lập trước 12 giờ và chúng tôi đã cùng anh em quân đội giải phóng đã cắm cờ trên dinh Độc Lập. Chúng tôi là Giáo sư Huỳnh văn Tòng và cựu Chủ tịch Tổng hội sinh viên Sài Gòn Nguyễn Hữu Thái... Đời sống bình thường đã trở lại Sài Gòn - thành phố Hồ Chí Minh, thành phố mà Bác Hồ đã mong đợi, nay đã được giải phóng... Xin giới thiệu lời kêu gọi của ông Dương Văn Minh và Vũ Văn Mẫu của chính quyền Sài Gòn về vấn đề đầu hàng ở thành phố này..." và sau đó kêu gọi mọi người trở lại làm việc bình thường. Nhưng mà về sau nhiều người bắt bẻ tôi câu nói này, những người quá khích nói tôi cướp công cách mạng, tại sao lại nói tiếng nói đầu tiên? Lúc bấy giờ tôi có nghĩ gì đâu, cái quan trọng là tôi biết dân chúng thành phố xôn xao không thể tưởng tượng được. Thế thì khi tôi nói như vậy, dân chúng sẽ bình tĩnh trở lại vì tên tuổi của tôi cả thành phố này

không ai mà không biết. Thật sự lúc đó có nghĩ gì đâu mà cướp công. Bởi vì sau đó tôi đi về nhà chứ có làm gì đâu.

Lúc ở đài phát thanh, ông Minh (Tổng thống) và ông Mẫu (Thủ tướng) - hai người đi với Chính ủy Bùi Văn Tùng. Ông Tùng rút ra tờ giấy trắng viết viết cái gì đó, rồi đưa cho ông Minh, nói: "Bây giờ thế này, anh đọc kỹ tờ giấy này coi có chỗ nào cần sửa thì sửa, sau đó anh sẽ đọc lên đài phát thanh". Ông Minh nói: "Tôi đồng ý hết, chỉ có một điểm tôi xin sửa thay vì Tổng thống Dương Văn Minh thì đổi lại là Đại tướng Dương Văn Minh", Chính ủy Tùng không chịu: "Anh làm Tổng thống 48 tiếng đồng hồ rồi". Ông Minh chịu: "Thôi được, tôi đọc".

Nhớ lại câu nói hồi ở Paris, lòng tôi lâng lâng khó tả được. Đất nước này bao nhiêu năm nay, những gì mà tôi mong muốn, bây giờ nó tới rồi, lòng tôi nao nao, sung sướng, vui mừng, tôi rơi nước mắt. Bây giờ mô tả lại, khó nói tâm trạng của tôi lắm..

Phóng viên: Sau 30 năm giải phóng miền Nam thống nhất đất nước. Tiến sĩ có điều gì nhắn nhủ với thế hệ sinh viên học sinh hiện nay?

Huỳnh Văn Tòng: Mong muốn lớn nhất của những người như chúng tôi bây giờ là mong rằng các bạn trẻ phấn đấu vì lý tưởng, sống có lý tưởng. Thanh niên mà sống không có lý tưởng thì buồn lắm.

Đơn vị xe tăng Quân Giải phóng đánh chiếm Dinh Độc Lập ngày 30-04-1975